

THƠ NGŨ NGÔN TRONG PHONG TRÀO THƠ MỚI NHÌN TỪ KHẢ NĂNG PHẢN ÁNH HIỆN THỰC, CON NGƯỜI

ĐẶNG THỊ NGỌC PHƯƠNG

Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt: Thơ ngũ ngôn tồn tại từ thời kỳ văn học trung đại và được làm mới trong cảm quan hiện đại bởi các nhà thơ trong phong trào Thơ mới. Sự thay đổi của thơ ngũ ngôn về phương thức trữ tình trong quá trình hiện đại hóa thơ Việt đầu thế kỷ XX cho phép thể thơ này có khả năng phản ánh đa dạng hiện thực đời sống và tâm trạng của nhân vật trữ tình. Thơ ngũ ngôn góp phần tạo ra một thế giới hiện thực đa màu sắc, một thế giới tâm hồn tinh tế, đa cảm của một thể hệ nhà thơ mang cảm quan mới.

Từ khoá: thơ ngũ ngôn, khả năng phản ánh hiện thực, cảm quan mới

1. MỞ ĐẦU

Thơ ngũ ngôn hình thành và vận động trong thời kỳ văn học trung đại Việt Nam nhưng thành tựu chưa nhiều. Xét vào thời điểm này, thể thơ ngũ ngôn nghiêng sang hướng kể việc, thuật chuyện, khả năng bộc lộ các sắc thái trữ tình còn hạn chế. Những năm đầu thế kỷ XX, các nhà Thơ mới đã góp phần đổi mới thể thơ năm chữ (ngũ ngôn), kết hợp phong phú khả năng kể, tả và bộc lộ cái tôi trữ tình của nhà thơ. Thơ ngũ ngôn đã phản ánh đa dạng hiện thực đời sống của con người hiện đại và nhất là biểu hiện thế giới tâm hồn phức điệu của con người. Bằng cảm quan của các nhà thơ lãng mạn, các nhà Thơ mới đã “cải biến” thơ ngũ ngôn để mở ra khả năng tái hiện một thế giới hiện thực phong phú, nhiều màu vẻ. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi trình bày nội dung trữ tình của thơ ngũ ngôn thông qua khả năng phản ánh hiện thực và thế giới đa dạng của cuộc sống con người.

2. THỰC TẠI ĐAU BUỒN, HOÀI NIỆM VỀ QUÁ KHỨ

Trong dòng chảy của thời gian, con người sống và luôn luôn nhận thức sự không trở lại của thời gian đời người. Trên hành trình tồn tại của mình, họ luôn có nhu cầu nhìn nhận, nhận thức thời gian bằng nhiều kiểu, nhiều chiều... Trở về quá khứ hay hướng đến tương lai là một cách cảm nhận về thời gian thường gặp khi nhà thơ sống với thực tế không như ý ở thời hiện tại. Hoài niệm về quá khứ là cảm quan quen thuộc của các nhà thơ xưa khi cảm thấy bất lực với những gì đang xảy ra trước mắt.

Trong thơ trung đại, chất ngôn chí, ngôn hoài, cảm hoài lại là phổ biến, thể hiện tâm thức hướng về quá khứ được xem như là tấm lòng sâu nặng của nhà thơ trước dòng đời, thời thế. Đến Thơ mới 1932-1945, khát vọng được sống trong quá khứ đẹp ấy lại tái hiện trong thơ. Khát vọng ấy được nhào nặn trong nhiều dạng thức mang đậm chất cá nhân của con người hiện đại. Các nhà Thơ mới nâng niu và luyện tiếc quá khứ và không ngừng hoài vọng về cái ngày xưa. Thế giới hiện thực ngày xưa ấy có biết bao kí ức lịch

sử đã đi qua để lại dấu ấn trong lòng người. Chính vì vậy, họ trở về quá khứ vàng son, trở về với những *giấc mộng anh hùng* và những nét đẹp văn hoá truyền thống, trở về với tuổi thơ và những kí ức mơ hồ xa vắng. Họ bất mãn trước thực tại xã hội tẻ nhạt nhưng họ chưa nhận ra con đường đấu tranh để xóa bỏ nó. Họ chạy trốn thực tại bằng cách tự do tìm vào tình yêu, tìm về cõi tiên, cõi ma, cõi mộng hoặc quay về với quá khứ, quay về với những giấc mơ tôn giáo mong tìm thấy ở đó một niềm an ủi vỗ về. Quá khứ mà họ quay về giúp họ thanh lọc tâm hồn, nâng bước họ tiếp tục hướng về hiện tại.

Mỗi nhà thơ có một hoài niệm riêng về cái ngày xưa ấy. Hoài vọng ấy phải chăng đã đến trong thơ Chế Lan Viên với những nỗi buồn đau của mối hận sâu vong quốc. Chắc không phải ngẫu nhiên mà nước non Chàm xưa gọi lên ở tác giả những thương cảm da diết, gần như thu hút và gói trọn toàn bộ cảm hứng thi ca của ông thời ấy. Nỗi buồn quá khứ xâm chiếm toàn bộ tâm hồn tác giả và lan nhanh như một vết thương. Phải chăng đây là một hướng thoát của một tâm trạng chán chường với cảnh đời hiện tại mà chất chứa bên trong là lòng thương yêu đất nước.

*Tôi nhìn ra tha ma
Hay quay vào trang sách
Ôi dân Chàm nước mắt
Kiếp dân sinh đâu xa
Tôi viết dòng nước chảy
Khóc thời gian hủy hoại
Khi đã buồn hiện tại
Thì quay về Tháp xưa.
(Đi ra ngoại ô - Chế Lan Viên)*

Hoài vọng về một thế giới hiện thực ngày xưa được biểu hiện đậm sắc màu cổ kính nhất có lẽ ở trong thơ Vũ Đình Liên. Hình ảnh đất nước, con người tự ngàn xưa cứ mãi vang vọng trong thơ ông, quá khứ tưởng đã ngủ yên chùng như đang thức dậy. Bài thơ **Ông đồ** chỉ có hai mươi câu ngũ ngôn mà đã in đủ bóng dáng một thời tàn và nỗi lòng ân hận của lớp người đương đại. Mở đầu là thời kỳ vàng son, huy hoàng của ông đồ. Hình ảnh thơ ở đây rất sinh động, chứa chan sức sống của mùa xuân và nao nao âm hưởng hương vị thơ Đường:

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.*

Ấy là thời kỳ Nho học đang thịnh hành. Chữ Nho - nét văn hóa phương Đông được nhiều người kính trọng. Ông đồ - người dạy chữ thánh hiền đã trở thành một biểu tượng trong đời sống tinh thần của nhân dân. Người có tài viết chữ, bấy giờ được xem như một đối tượng cao quý của những người có thú chơi chữ. Chẳng thế mà nhân vật trong **Vang bóng một thời** của Nguyễn Tuân đã toan đổi mạng sống của mình để có được chữ viết: “đẹp lắm, vuông lắm” của Huấn Cao. Lúc này, người đọc tìm đến ông đồ như tìm đến những gì thiêng liêng, tinh hoa nhất của văn hóa dân tộc.

Thế mà bây giờ, khi xã hội đô thị hình thành, ông đồ trở nên lạc lõng. Nhà thơ ngâm ngùi, cay đắng như chính nỗi ngâm ngùi xót xa của ông đồ. Văn hóa Nho học được xây dựng từ ngàn năm đã bị sụp đổ trong thoáng chốc. Xung đột văn hóa Đông - Tây đã gây nên tấn bi kịch thảm hại của tầng lớp trí thức Nho học. Từ đỉnh cao của sự huy hoàng, ông đồ đã bị rơi xuống bên lề đường, trở thành nạn nhân đáng thương của xã hội. Nhà thơ kết thúc bằng một khoảng trống, một câu hỏi xa xăm, mơ hồ nhưng có sức lay gọi lòng người mãnh liệt:

*Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*

Câu thơ như một lời ai điếu, một tiếng gọi hồn tha thiết! Một tiếng gọi khắc khoải, vang vọng từ miền xa thẳm, u hoài. “Hồn” của ông đồ hay hồn của một tầng lớp Nho học xưa? Nỗi niềm khắc khoải, trần trở của Vũ Đình Liên hay niềm thao thức, hoài vọng của cả thế hệ tân học? Thề thơ 5 chữ vừa kể về người xưa, năm cũ vừa bộc lộ nỗi niềm xót xa cho những nét đẹp truyền thống đang dần mất đi theo thời gian và theo sự lãng quên của con người.

Thương một thời tàn, nhớ lại một thời xưa là một cảm hứng lớn của nhiều nhà thơ trong phong trào Thơ mới như: Nguyễn Bính, Nguyễn Nhược Pháp, Phạm Huy Thông, Đoàn Văn Cừ... Hoài Thanh, trong **Thi nhân Việt Nam** cũng đã nhận xét: “Chưa bao giờ như bây giờ họ thấy cần phải tìm về dĩ vãng để vin vào những gì bất diệt đủ bảo đảm cho ngày mai” [6; tr. 25]. Bài thơ **Ông đồ** tràn ngập nỗi niềm thương tiếc, thoáng chút ân hận tự trách mình đã có lúc vô tâm, vô tình để mất đi những hình ảnh đẹp của cha ông. Âm hưởng của nhịp thơ năm chữ như cứ ngân vang trong lòng người đọc mỗi khi nhớ đến **Ông đồ** của Vũ Đình Liên.

Tự do trở về với quá khứ để tìm lại cái xưa, cái đẹp trong hồn người, trong những vần thơ của thi nhân. Cái xưa trong thơ Huy Cận là *hồn xưa, buồn xưa, đẹp xưa*. Tâm trạng hoài niệm về quá khứ không dừng lại ở một đời người mà còn hướng tới quá khứ của loài người. Đường như trong tâm thức của nhà thơ, ở một thời xa xưa nào đó loài người có cuộc sống êm đềm hạnh phúc.

Gắn với cảm nhận về thời gian quá khứ, con người chịu sự chi phối mạnh của văn hóa đô thị lại hướng về những giấc mơ xưa, với những mối tình xưa: Ngu Cơ, Hạng Vũ, Tây Thi... hoặc xây dựng con người trong không gian quen thuộc gắn với văn hóa dân tộc: **Chùa Hương, Đi công, Một buổi chiều xuân**. Nguyễn Nhược Pháp kể chuyện:

*Khi qua chùa Giải Oan
Trông thấy bức tường ngang,
Chàng đưa tay lẹ bút
Thảo bài thơ liên hoàn.
Tám tắc thầy khen hay
Chữ đẹp như rồng bay. (Chùa Hương)*

Nguyễn Nhược Pháp đã làm một cuộc hành trình ngược về dĩ vãng đẹp tươi của dân tộc. Ở đó, thi nhân dễ dàng tao ngộ với những con người xưa. Hoài niệm về quá khứ được Nguyễn Nhược Pháp làm sống lại bởi những hình ảnh đẹp của những con người trong một thời đã qua. Con người trong thơ ông là sự dung hòa giữa quá khứ và hiện tại. Họ trở về với những sinh hoạt văn hóa một thời. Những anh khóa, những hàn sĩ nấu sủ sôi kinh mong đạt giấc mộng quan trường, gặp người đẹp trong những vần thơ ngũ ngôn:

*Thoảng tiếng vàng thanh tao,
Bên giàn lý bờ ao,
Một nàng xinh như liễu
Ngồi ngắm bông hoa đào.
Tay cầm bút đề thơ,
Tì má hôn vẫn vợ,
Nàng ngậm lời thánh thót.
Ai không người ngẩn ngơ!*

(**Một buổi chiều xuân** - Nguyễn Nhược Pháp)

Sự khắc khoải tìm về với những nét đẹp xưa là điểm nhấn thường bắt gặp trong thơ của các thi sĩ Thơ mới. **Cao húng** của Hàn Mặc Tử là một bài thơ tiêu biểu. Bài thơ như bộc bạch cái tôi trữ tình tha thiết của thi nhân. Nhà thơ sống cùng mộng, cùng thơ, cùng những niềm vui tươi của dĩ vãng...

*Tôi yêu trời nguyệt bạch,
Tôi say màu thanh thiên,
Tôi ứng á thuyên quyền
Ở trong pho tình sử.*

*Cho tôi hoa đèn ngự
Cho tôi lòng ni cô,
Xuân trên má nường Thơ
Ngon như tình mới cắn.*

Nhân vật trữ tình khao khát bộc lộ những hoài vãng về quá khứ đẹp xưa và là một cách để quên đi những đau buồn của kiếp nhân sinh trong thời hiện tại. Giọng thơ da diết, ngân vang.

Hoài niệm về quá khứ cũng như hoài vọng về tương lai hay đắm chìm trong hiện tại đều là quy luật của cuộc sống nhân sinh. Trốn chạy thực tại, xa lánh thực tại, các nhà Thơ mới tìm về quên lãng trong quá khứ tươi đẹp của dân tộc. Quá khứ đó đưa con người ngược trở về với cái đẹp, cái thanh khiết của cuộc đời. Trở về quá khứ không chỉ đơn thuần là thái độ thoát ly hiện thực. Đó chính là khát vọng mong muốn giải bày nỗi niềm của một người chán ghét thực tại, luôn sống trong hoài niệm về quá khứ lịch sử oai hùng của dân tộc. Tâm trạng ấy, nỗi niềm ấy trong hoàn cảnh xã hội làm than lúc bấy giờ được thể hiện rõ nét qua những bài thơ ngũ ngôn khiến ta trân trọng tình cảm của họ, khao khát của họ!

3. NỠI BUỒN, SỰ CÔ ĐƠN, NIỀM KHÁT KHAO GIAO CẢM

Con người được thể hiện trong thơ giai đoạn 1930-1945 tự do về nhu cầu, về khát vọng. Vì trước tiên, thơ làm ra là để nói với chính mình, là lời tâm sự của mình trong những lúc cô đơn, là phát ngôn của nhân vật trữ tình và bao giờ cũng xuất phát từ một thân phận, một kiếp người cụ thể chứ ít khi xuất hiện với tư cách một địa vị quan phương. Những nhà Thơ mới đã dũng cảm trình bày trạng thái thực của tâm hồn mình. Thể thơ ngũ ngôn đã có đủ khả năng để họ bộc bạch những trạng thái tâm hồn rất tinh tế của mỗi nhà thơ.

Nỗi buồn không phải là không có ở thơ ca trung đại. Nguyễn Trãi cũng đã từng mang nặng trên vai một nỗi buồn nhân thế. Nguyễn Du và nàng Kiều cũng không ít phen “*Giật mình mình lại thương mình xót xa*”. Nhưng phải đến Thơ mới, nỗi buồn và sự cô đơn hiện ra như một phương diện tự ý thức của cái tôi cá nhân. Soi chiếu vào văn học lãng mạn Việt Nam, vào Thơ mới với tâm trạng đau buồn và cô đơn điển hình của nó, buồn và cô đơn không phải là tâm trạng của riêng ai mà là tâm bệnh chung của nhiều nhà thơ. Nỗi chán nản, ê chề và sự bế tắc không có lối thoát và cuộc sống tù túng nhàm chán đã tạo nên âm điệu buồn, một âm điệu quen thuộc trong Thơ mới, là nốt nhạc chủ đạo. Nỗi buồn, sự cô đơn được biểu hiện với sắc thái riêng. Đây là những trạng thái tinh thần thường đồng hành với con người trong cuộc đời.

Xuân Diệu thường trốn chạy nỗi buồn còn Hồ Dzếnh hình như sẵn sàng chấp nhận nỗi buồn, bởi vì ông vốn coi nỗi buồn là yếu tố thiết yếu cho cuộc sống. Hồ Dzếnh thường tìm thấy nguồn cảm hứng trong nỗi buồn. Phải buồn người ta mới tìm được ý nghĩa đích thực của cuộc đời, phải buồn người ta mới thấm thía được cái thân phận mình. Phải buồn mới thấy được ý nghĩa của tình yêu, của cái thi vị khi con người ném phải cái mùi nhân tình thế thái.

*Tôi mơ chân trên đường
Áo màu trong lá thắm
Đường và cây mát lắm
Riêng lòng tôi đau thương.*

*Tôi không hề yêu đương
Sao sầu tôi vương vương
Sao tình tôi bát ngát
Sao hồn tôi thê lương.
(Buổi hẹn - Hồ Dzếnh)*

Những vần thơ ngũ ngôn thấm đượm tâm trạng buồn của Nguyễn Nhược Pháp để lại cho bạn đọc suy ngẫm về một tình yêu nhẹ mà lắng sâu. Phải chăng đó là tình trong mộng, là khát khao của thi nhân?

*Ngày nay ta nhìn mây
Mây đen lòng gió lay
Hồn xưa tìm chẳng thấy
Tóc theo luồng gió bay... (Mây - Nguyễn Nhược Pháp)*

Thơ Vũ Hoàng Chương diễn tả nội tâm cái tôi cá thể một cách chân thực. Những thi phẩm đầu tay của ông với những mối tình học trò trong sáng, thánh thiện diễn tả những hờn dỗi, những nỗi buồn nhẹ mà thấm: “*Anh biết em từ độ/ Em mới thuở mười hai/ Anh yêu em từ thuở/ Em còn tóc xõa vai*” (U tình). Nhưng tất cả những mối tình đơn phương ấy như gió đến rồi đi, để thi sĩ sống trong sự nuối tiếc, luôn sống trong hương vị say sưa dịu dàng của tình yêu. Nhà thơ khao khát được yêu để rồi tuyệt vọng, tự an ủi mình một cách chua xót, cay đắng: “*Anh chỉ đem chôn nó/ Với nỗi niềm chua cay/ Từng mảnh từng mảnh một/ Trong mây vẫn thơ đây...*” (U tình).

Nói đến thơ Lưu Trọng Lư không ai không nghĩ đến **Tiếng thu**:

*Em không nghe mùa thu,
Lá thu rơi xào xạc,
Con nai vàng ngơ ngác,
Đạp trên lá vàng khô.*

Bài thơ gây một ấn tượng nhạt nhòa, hơi thơ ngập tràn sương khói. Nó như một lời đồng vọng, một tiếng gọi thầm. “*Nghe*” là một sự lắng gọi, một đồng âm tri kỷ. “*Nghe*” là một sự tiếp nhận trực giác, đi từ thính giác đến lay động hồn người. Tiếng thu nhẹ nhàng từ âm điệu đến ý tưởng, nó thấm dần vào cõi lòng người khiến ta ngất ngây về cái hiu quạnh của sự sống loài người. Cảm xúc, ý tưởng của cái tôi trữ tình trong thơ Lưu Trọng Lư có thể tóm tắt ở bốn chữ: mộng - tình - sâu - say. Lưu Trọng Lư sống nhiều trong cõi mộng. Tràn ngập trong thơ ông nỗi buồn, thương nhớ nhưng không có khao khát gặp gỡ, tận hưởng tình yêu như Xuân Diệu. Đọc bài **Một mùa đông** cũng như đọc nhiều bài thơ tình khác như **Túp lều cũ**, **Một chút tình**, **Còn chi nữa**, **Tình diên**, **Xuân về**, **Trên bãi biển**... của Lưu Trọng Lư, người đọc đều thấy hiện ra hoặc rõ ràng, hoặc thấp thoáng một mối tình thật mơ ảo, thật đắm đuối, thật thiết tha.

*Yêu hết một mùa đông
Không một lần đã nói
Nhìn nhau buồn vời vợi
Có nói cũng không cùng.
(Một mùa đông)*

Bài toán cuộc đời đối với Lưu Trọng Lư đâu có gay gắt là đi tìm nhanh một đáp số. Thực ra đó chỉ là cái đích hão huyền, cái đích xa xăm. Nó như là một cuộc đối thoại bằng hai thứ tiếng khác nhau, càng mong được gần nhau lại không bao giờ hiểu nhau. Cái nghịch lý thông thường này dẫn đến một sự xót xa trong tình yêu: “*Đề mặc anh đau khổ/ Ái ân giờ tận số/ Khép chặt đôi cánh song!/ Khép cả một tấm lòng!*” (**Một mùa đông**).

Là một người sống nhiều với nội tâm hơn là ngoại giới, tình yêu trong thơ Lưu Trọng Lư là tình trong mộng nên có cái đắm say, mơ màng nhưng dễ tàn phai rơi rụng. Vì mộng đẹp thường thoáng qua chỉ để lại dư vị bàng khuâng tiếc nuối. Hạnh phúc nếu có cũng không thể bền lâu và khi đã qua đi những kỷ niệm đẹp để thuở ban đầu chỉ thêm xót lòng. **Một mùa đông** là một câu chuyện tình dở dang như thế.

Khát khao giao cảm là khát vọng thành thật và mãnh liệt nhưng “*một tâm lòng*” đã “*khép chặt*” trong đau khổ, tình yêu chẳng bền lâu, nó không tồn tại mãi mãi. Giữa hai người yêu nhau chẳng bao giờ hiểu nhau bởi vì tâm hồn của họ lúc nào cũng như khép kín, thi sĩ cảm thấy buồn và thâm thía cô đơn. Rốt cuộc vẫn là tình dang dở, vẫn là chia ly, buồn bã, đau khổ, ngậm ngùi đến như tuyệt vọng. Cùng với thời gian, trái tim yêu của nhân vật trữ tình không còn giữ được cái đắm say ngày cũ mà trở nên mệt mỏi, rã rời mang đậm dấu ấn tàn phai:

*Lòng anh đã rơi rụng
Trên sông ngày tàn rơi
Tình anh đã xế bóng,
Còn chi nữa, em ơi!*

(**Còn chi nữa**)

Thời gian càng trôi, nỗi sầu càng bi thiết. Nó như dòng nước trôi vô tình không để ý đến tình cảm, ý chí của con người. Những lý do ly tan không được trình bày rõ ràng, vì thế trong **Tiếng thu**, đa số các cuộc tình đều có hoặc ít hoặc nhiều màu sắc của một mối u tình, tương tự như trong thơ của nhà thi sĩ Trung Hoa Lý Thương Ẩn ngày xưa. Nỗi buồn, sầu ở đây là biểu hiện của sự đa cảm, đa tình của con người. Đây chính là sự nhạy cảm phong phú của thế giới bên trong con người.

Đến với thơ Xuân Diệu, người đọc bắt gặp mọi cung bậc phong phú của tình cảm yêu đương của con người. Từ “*lần đầu rung động nỗi thương yêu*” giữa một chiều thu tình tứ (**Thơ duyên**) đến buổi “*tôi với người yêu*”. Tất cả đó là những hạnh phúc khổ đau muôn thuở của con người khi vướng vào lưới tơ tình ái được thể hiện đầy xúc động qua một tâm hồn dào dạt, trái tim đa cảm.

*Trốn nỗi buồn vô cớ
Sao anh chẳng vui đi
- Tôi ráng tìm hạnh phúc
Song chẳng biết nhờ chi.*

(**Chàng sầu**)

Cô đơn là tâm trạng thường tình của tâm hồn đa cảm như Xuân Diệu. Xuân Diệu muốn tự do và khao khát được bày tỏ nỗi cô đơn kinh khủng của lòng người. Một nỗi cô đơn tự mình không chịu đựng nổi, không thể chia sẻ cùng ai, cảm thấy cô độc, bơ vơ. Ấn hiện trong con người này là trạng thái cảm xúc buồn đau. Cái tôi cá thể này luôn luôn khao khát đắm mê, luôn đòi hỏi đến tận cùng sự “*vô biên và tuyệt đích*”. Nỗi buồn đau ấy thấm đẫm sự mất mát trong đời sống tinh thần cá nhân. Nỗi buồn Xuân Diệu là một nỗi đau đời “*đượm màu ly biệt*”:

*Đương lúc hoàng hôn xuống
Là giờ viễn khách đi
Nước đượm màu ly biệt
Trời vương hương biệt ly.*

*Buổi chiều ra cửa sổ
Bóng chụp cả trời tôi
Ôm mặt khóc rung rúc
Ra đi là hết rồi.*

(Viễn khách)

Bài **Viễn Khách** diễn tả nỗi sầu xuân ly một cách thiết tha lạ lùng. Đó là một nỗi buồn vô thủy vô chung, giống như cái mà thi sĩ phương Tây gọi là spleen. Buồn và sầu là ý thức về sự bất lực trước một ước mơ tan vỡ, là ý thức về những giá trị bị chà đạp vô cớ, là tiếng kêu của cá tính bị vùi dập. Nỗi buồn ngấm nhè nhẹ mà héo hắt tâm can. Tâm hồn cô đơn và đa cảm của Xuân Diệu đã cảm nhận nỗi buồn tràn ngập không gian, nỗi buồn lạnh lẽo. Và ngay trong nỗi tương tư, chờ mong, ngóng đợi, nỗi buồn chắt chứa như trái khấp ngàn dặm.

*Mây lạc hình xa xôi
Gió than mình trách móc
Mây ôi và gió ôi!
Chớ nên làm họ khóc.
Mắt ghen nhìn thấu dạ
Môi khô nứ hết lời
Chân rời, tay muốn rã...
Kẻ khuất... kẻ trông vời...*

Con người ham sống ấy mà càng buồn rầu chán nản vì chưa sống cho ra sống. Nhà thơ đã giải bày mọi bí mật của cõi lòng, những phút giây yếu đuối và bộc lộ sự vươn lên một cách tự do. Lần đầu tiên con người cảm nhận được cái mệnh mông, sâu thẳm và bí ẩn của cái tôi gắn bó với cái riêng, cái cô đơn và với một khát vọng.

Bước sang thời kỳ hiện đại, thời đại của những rung chuyển toàn bộ xã hội, trong đó con người bị hất tung ra ngoài các quan hệ cố định, nhưng chưa tìm thấy vị trí của mình trong cuộc đời. Thời đại mà mỗi con người tự cảm thấy mình là những cá nhân cô đơn, lạc lõng, bơ vơ, đang tìm vị trí của mình. Cũng như các nhà thơ lãng mạn cùng thời, Huy Cận cảm thấy rõ cái cá nhân của mình, chú ý lắng nghe thế giới nội tâm của mình và lấy cái tôi cá nhân của mình để cảm nhận, cắt nghĩa thế giới.

Trong **Lửa thiêng**, Huy Cận thường hay nói đến thân phận nhưng đó không phải ý thức về phân cá nhân riêng tư nhất của con người, cũng không phải ý thức về thân phận con người trong cuộc đời. Điều mà nhà thơ quan tâm hơn đó là lòng, tấm lòng, là tình người tình đời sâu nặng.

*Chân rợn, lòng đau xé,
Tay buông dáng nã nùng
Đứng dừng trông mắt lệ
Đi: bắc cầu nhớ nhưng*

(Tiễn đưa)

Nếu như cảm hứng thương thân xuất phát từ ý thức về thân phận thì cảm hứng thương lòng xuất phát từ ý thức về sự cô đơn của con người giữa cõi đời. Con người trong thế giới thơ Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám là con người cá nhân cô đơn, không tìm được niềm giao cảm. Tình trạng cô đơn của con người trong xã hội cũ được Huy Cận cất nghĩa từ sự tuyệt giao của những tấm lòng. Nhà thơ với tư cách là một cá thể trong xã hội luôn mở rộng lòng mình đón đợi sự cảm thông, chia sẻ. Càng khát khao giao tiếp tình cảm nhà thơ càng đau đớn tuyệt vọng vì sự hờ hững, thờ ơ của bao tấm lòng khác. Những dòng thơ ngũ ngôn đã chuyển tải nỗi buồn hiu hắt, vươn lên giữa cái bao la vắng lạnh của một cõi lòng vơi vơi yêu đương:

*Mong trốn tránh bơ vơ
Tôi đem tình bán rẻ
Cho vạn khách thờ ơ
Và lòng tôi đã ế.*
(**Ê chề**)

Tình cô đơn đưa đẩy thi nhân sinh ra cảm thương vãn vơ, cảm thương cho cái tôi bơ vơ giữa trời đất, nước mây. Thấp thoáng trong thơ Huy Cận âm hưởng “*ngậm ngùi*”, “*đau thương*”. Nếu như trong dàn đồng ca đa sầu, đa cảm của Thơ mới, người đọc bắt gặp cái tôi u buồn, chán nản trong **Điều tàn** của Chế Lan Viên thì ở những vần thơ ngũ ngôn của Huy Cận chất chứa thể giới riêng tư “*sâu vạn kỷ*”: “*Một chiếc linh hồn nhỏ/ Mang mang thiên cổ sầu/ Những nàng tiên dần chết/ Mơ mộng xưa nay đâu?*” (**Ê chề**).

Trong trường liên tưởng của thơ Huy Cận, nỗi buồn và sầu cứ lan tỏa trong từng lời thơ. Nó được định hình như một đặc trưng độc đáo xuất hiện từ sâu thẳm hồn thơ Huy Cận. Vì vậy, nhà thơ thường hay nói đến những tấm lòng đau thương, buồn tủi, xót xa: lòng hốt hoảng, lòng lạnh, lòng run, lòng sầu, lòng buồn, lòng quạnh hiu, lòng đau xé... Nỗi đau lòng của nhà thơ Huy Cận là biểu hiện của lòng yêu đời, niềm khát khao tình yêu hạnh phúc nhưng không được đền đáp.

*Hạnh phúc rất đơn sơ,
Nhịp đời đi chậm rãi...
Nhưng hoa xuân không đậu,
Thôi mong gì trái thu!*
(**Hối hận**)

Với Huy Cận, tình yêu là phương tiện giao nối lòng người để chiến thắng sự cô đơn, bơ vơ. Tình yêu lẫn với mộng, một tình yêu không đối tượng nên thường có tính chất ngậm ngùi, chấp nối duyên xưa: “*Gần gũi già mong nhau/ Tác gang càng tưởng nhớ/ Phó trước với đường sau:/ Ấy nơi lòng gặp gỡ*” (**Khung tình**).

Hàn Mặc Tử đến cõi trần gian này tuy với quãng đời ngắn ngủi nhưng thi nhân đã sống hết mình, yêu hết mình. Bệnh tật đã làm cho thi nhân không thỏa mãn trong tình yêu, nhiều khi nhà thơ điên lên vì đau khổ, mặc cảm hay những ẩn ức bệnh tật. Điên cũng là một biểu hiện của sự tự do, của những khát khao, những thành thực. Càng bị bệnh tật hành hạ khốc liệt, quyền sống làm người càng bị bóp nghẹt, Hàn Mặc Tử càng yêu điên

cuồng thế giới này. Thơ chính là lời tâm sự, giải bày; thế giới hình tượng thơ là người bạn, người tri âm, là nguồn sống, khoả lấp sự thiếu hụt trong cuộc sống hiện tại, để đủ đầy và viên mãn hơn trong một thế giới khác, thế giới của người thơ tạo ra - một hình tượng như ý riêng mình. Cái tôi cô độc và đau thương ấy hoá thân trong những hình tượng đầy ám ảnh: *trăng, hồn và máu*. Tình yêu trong thơ thi nhân cũng không kém phần mãnh liệt so với Xuân Diệu, say đắm như Hồ Dzếnh, nồng thắm như Nguyễn Bính, tình yêu ấy rất thành thực với một dáng vẻ rất riêng. Chàng trai Hàn Mặc Tử bước vào đời với bao mộng đẹp nhưng tình yêu không được đến đáp. Thơ tình của Hàn Mặc Tử như cái hồ thăm thẳm ngăn cách giữa ước mơ và hiện thực. Tình yêu đến và đi, nhà thơ không thỏa mãn với một môi tình nào. Tình yêu đã tuột khỏi tầm tay. Cả cuộc đời của Hàn Mặc Tử đã có nhiều môi tình nhưng môi tình nào cũng hết sức mong manh, ánh lên vài tia hy vọng rồi lại vụt tắt.

Bài **Tình quê** là một trong số những bài thơ hay nhất của Hàn Mặc Tử. **Tình quê** của Hàn Mặc Tử ngân theo nỗi nhớ mông lung bàng bạc, nhờ nhạc điệu mê hồn mà thoát được sáo cũ với những “*son khe*”, “*phu thê*”, “*cành lê*”, “*bờ liễu*”:

*Cách nhau ngàn vạn dặm,
Nhớ chi đến trăng thề...
Trong khi nhìn mây nước
Lòng xuân cũng nỡ nề...*

Đến với thơ Hàn Mặc Tử, người đọc bắt gặp cảm giác rờn rợn, kinh dị của máu trào. Thơ siêu thực của tác giả bung ra từ đáy hồn đau khổ vô biên, trong từng gam cân não. Đó là một thứ siêu thực lạ mà quen bởi nó chiết ra từ nỗi đau, từ tâm sự của một thi nhân - bệnh nhân. Nó chỉ có duy nhất ở Hàn Mặc Tử mà không lặp lại ở người khác. **Xuân như ý** mở đầu bằng “*rụng rời*” khi đối diện với trang giấy suy tư, cả tâm trạng, cả tinh thần như trút vào trong đó:

*Thơ chưa ra khỏi bút
Giọt mực đã rụng rời
Lòng tôi chưa kịp nói
Giấy đã toát mồ hôi.*

Những cách mô tả giàu ấn tượng cảm giác rất phổ biến trong thơ Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử... Đặc biệt, với trường hợp Hàn Mặc Tử, nguyên tắc nhấn mạnh sự tồn tại độc lập của tình yêu trong tư cách khách thể mô tả đã khiến cho những gì trừu tượng, mơ hồ nhất trong cảm xúc, tâm linh cũng trở nên có hình khối, có màu sắc và sức nặng trong thế giới nghệ thuật của ông: “*Vui thay cảnh sáng trăng/Ái tình bắt đầu căng*”.

Buồn và cô đơn không phải là tâm trạng của riêng ai mà là tâm bệnh chung của phong trào Thơ mới. Nỗi chán nản ê chề và sự bế tắc không có lối thoát và cuộc sống tù túng nhàm chán đã tạo nên âm điệu buồn, một âm điệu quen thuộc trong Thơ mới, là nốt nhạc chủ đạo của phong trào Thơ mới. Sâu trong **Lửa thiêng** của Huy Cận, buồn trong những vần thơ tịch mịch của Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư... cũng tìm về đây hội tụ. Tất cả như ngưng đọng trong một buổi chiều cô tịch, mênh mang, u buồn, trầm mặc. Nỗi

buồn, niềm cô đơn đã đem lại vẻ đẹp thanh cao và trong sáng.

Mỗi nhà Thơ mới tự do bộc lộ khao khát tình yêu sâu kín của mình. Cái tôi nội cảm của từng nhà thơ đã được đẩy lên tận cùng: cảm giác sầu buồn, sự cô đơn xa cách trong tình yêu đã tạo ra một thế giới thơ muôn màu, muôn vẻ. Tất cả những xúc cảm này tạo ra cái đẹp, cái buồn đầy tính phản kháng và nhân bản thể hiện rõ nét trong những bài thơ ngũ ngôn. Thể thơ ngũ ngôn đã được làm mới khi gia tăng yếu tố trữ tình, kết hợp với các yếu tố vốn tồn tại trong nòng cốt thể loại, do vậy mở rộng khả năng phản ánh đời sống của con người hiện đại. Thơ ngũ ngôn đã hợp lưu với các thể thơ khác để làm nên sắc diện mới cho Thơ mới 1932-1945.

4. KẾT LUẬN

Những bài thơ ngũ ngôn trong Thơ mới đã tạo nên sự thành công của phong trào này và cũng góp phần khẳng định sự đổi mới thể loại của các nhà thơ. Trên hành trình tìm kiếm con đường vận động cho thơ hiện đại những năm đầu thế kỷ XX, các nhà Thơ mới ngoài việc tiếp thu thơ phương Tây, mà chủ yếu là thơ Pháp, đã mạnh dạn cải biến thơ cũ như lục bát, ngũ ngôn... để có khả năng phản ánh đa dạng đời sống người Việt trong thời hiện đại. Chính thể thơ ngũ ngôn với những đặc điểm riêng của nó phần nào đã giúp nhà thơ nói được những trạng thái đa dạng của tâm hồn mình. Thơ ngũ ngôn kết hợp nhuần nhị yếu tố trữ tình với yếu tố tự sự làm nên âm sắc riêng cho thể loại này. Qua những vần thơ ngũ ngôn, các nhà Thơ mới đã gửi gắm khát vọng, hoài niệm về quá khứ, hướng về những vẻ đẹp xưa... Đó là nỗi buồn, niềm cô đơn về số phận..., một khát vọng rất nhân văn, được sống với bản ngã của mình. Bằng những cảm nhận hiện đại, phong phú bằng tâm hồn rất Việt, thơ ngũ ngôn giai đoạn này chính là kết quả của sức sáng tạo tự do, đầy cá tính. Đây là sự đóng góp quan trọng của thơ ngũ ngôn trong phong trào Thơ mới trên tiến trình chung của thơ ca dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vũ Tuấn Anh (1996). Sự vận động của cái tôi trữ tình và tiến trình thơ ca, *Tạp chí Văn học* (1), tr. 36-39.
- [2] Lại Nguyên Ân (Tập hợp và biên soạn) (1998). *Thơ mới 1932-1945, Tác giả và tác phẩm*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [3] Hà Minh Đức (1997). *Một thời đại trong thi ca*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Phong Lê (1997). *Văn học trên hành trình thế kỷ XX*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Lữ Huy Nguyên (2000). *Hàn Mặc Tử - Thơ và đời*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [6] Hoài Thanh, Hoài Chân (2000) (Tái bản). *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [7] Đỗ Lai Thúy (1992). *Mắt thơ*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.

Title: FIVE-WORD VERSE IN THE NEW POETRY MOVEMENT - A LOOK FROM ALIENATION TO REFLECT REALISM AND HUMANITY

Abstract: Five-word verse has existed since the Mid-modern Vietnamese literature and has been renewed with modern sensibility by followers of the new poetry movement. The changes in five-word verse regarding its lyrical demonstration in the Vietnamese poetry modernization in the early 20th century allow this poetic style to reflect the diversity of a lyric personality in his or her real life and state of mind. Five-word verse contributes to creating a multicolored real world, the world of subtle and sentimental spirits, in a generation of poets with new sensibility.

Keywords: five-word verse, ability to reflect realism, new sensibility